

BC.BKS/CMI-2018

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM SOÁT 2017  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM NĂM****Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY**

- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần CMISTONE Việt Nam;
- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty;

Ban kiểm soát tiến hành kiểm soát kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP CMISTONE Việt Nam năm 2017. Kết quả như sau:

**1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017:**

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần CMISTONE VN kiểm tra các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm tra chứng từ sổ sách kế toán, sổ theo dõi lao động, các hợp đồng kinh tế của Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam.

**2. Kết quả giám sát đối với hoạt động của HĐQT, Tổng giám đốc:**

- Công ty Cổ phần CMISTONE VN hoạt động theo điều lệ của Công ty cổ phần, các điều khoản trong điều lệ được sắp xếp theo một trình tự khoa học, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Hội đồng quản trị họp, điều hành Công ty trên cơ sở các quy chế của Công ty áp dụng các quyết định, các văn bản pháp luật của Nhà nước Việt Nam. HĐQT và ban điều hành đã đề ra quyết sách đúng đắn, phù hợp với điều kiện, năng lực của Công ty tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần CMISTONE VN đã quyết định phương hướng sản xuất kinh doanh: Sản xuất đá ốp lát marble nhân tạo tại Nhà máy Nghĩa Long – Nghĩa Đàn – Nghệ An.

**3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty:****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	100		<b>43.206.660.283</b>	<b>192.197.568.397</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	110	V.1	<b>71.357.470</b>	<b>2.220.869.999</b>
1. Tiền	111		71.357.470	2.220.869.999
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	130		<b>28.891.291.037</b>	<b>157.856.075.694</b>

1. Phải thu khách hàng	131	V.2a	29.160.488.011	68.978.042.257
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	39.901.298.438	50.260.047.804
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.211.000.000	2.211.000.000
6. Các khoản phải thu khác	135	V.5a	40.974.239.690	42.312.756.337
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(83.355.105.102)	(5.905.770.704)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	140		<b>13.847.123.775</b>	<b>26.319.954.652</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	21.086.424.997	26.319.954.652
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		7.239.301.222	
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	150		<b>396.258.000</b>	<b>5.800.668.052</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	32.666.666	62.100.125
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		363.591.334	5.738.567.927
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8		
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	200		<b>214.509.528.670</b>	<b>236.604.063.698</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	210		<b>31.406.849.765</b>	<b>32.130.137.126</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	723.287.316	723.287.316
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.4b	31.406.849.765	31.406.849.765
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		723.287.361	
<b>II. Tài sản cố định</b>	220		<b>125.575.014.737</b>	<b>127.384.449.837</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	221	V.8	<b>118.287.723.049</b>	<b>119.764.658.148</b>
- Nguyên giá	222		139.533.620.081	138.378.143.485
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.245.897.032)	(18.613.485.337)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	227	V.9	<b>7.287.291.688</b>	<b>7.619.791.689</b>
- Nguyên giá	228		9.975.000.000	9.975.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	230		(2.687.708.312)	(2.355.208.311)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	240			
- Nguyên giá				
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	240		<b>39.793.258.574</b>	<b>52.281.385.469</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	39.793.258.574	52.281.385.469
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			

201-  
Y  
N  
NE  
M  
.HÀ

<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	260		<b>17.734.405.594</b>	<b>24.808.091.266</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	17.734.405.594	24.808.091.266
2. Tài sản thuê thu nhập hoàn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	269			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	270		<b>257.716.188.953</b>	<b>428.801.632.094</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	300		<b>244.022.507.637</b>	<b>296.507.485.260</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>146.393.135.036</b>	<b>192.788.112.659</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.552.341.276	9.544.640.712
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	6.044.735.965	6.006.537.630
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	29.179.987.089	35.105.098.727
4. Phải trả người lao động	314		475.477.168	1.473.602.020
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	26.560.024.011	54.514.113.594
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.333.393.190	9.997.564.905
10. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	320	V16a	72.245.624.337	78.145.003.071
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	V.17	1.552.000	1.552.000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>97.629.372.601</b>	<b>103.719.372.601</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	334	V.16b	97.629.372.601	103.719.372.601
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400		<b>13.693.681.316</b>	<b>132.294.146.834</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	V.18a	<b>13.693.681.316</b>	<b>132.294.146.834</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.167.767.978	3.167.767.978
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		891.344.168	891.344.168
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			



9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(150.365.430.830)	(31.764.965.312)
-LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(31.764.965.312)	15.517.062.646
-LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(118.600.465.518)	(47.282.027.958)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	423			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	440		<b>257.716.188.953</b>	<b>428.801.632.094</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>				
1. Tài sản thuê ngoài	01			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03			
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04			
5. Ngoại tệ các loại	05			
Dollar Mỹ (USD)				
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06			

M.S.D.

**Kết quả sản xuất kinh doanh**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% đạt
1	Doanh thu thuần	4.003.452.192	27.887.934.058	
2	Lợi nhuận sau thuế	-47.282.027.958	-118.600.465.518	
3	Vốn điều lệ	160.000.000.000	160.000.000.000	

**3.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã mở các cuộc họp định kỳ hàng quý và bất thường, với tổng số 22 nghị quyết, từ đó thông qua chủ trương, chính sách, quyết định kịp thời với diễn biến thay đổi của Công ty. Nhìn chung các quyết sách của Hội đồng quản trị đã được ban hành kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp và hỗ trợ tích cực ban Tổng giám đốc trong việc điều hành kế hoạch SXKD năm 2017.

Năm 2017, Ban Tổng giám đốc có nhiều nỗ lực trong điều hành các hoạt động của Công ty theo định hướng của Hội đồng quản trị để thực hiện thành công các chỉ tiêu kinh tế năm 2017, cụ thể như sau:

✓ **Về sản sản xuất đá ốp lát nhân tạo:** Tìm kiếm khách hàng, tìm kiếm nguồn vốn để vận hành nhà máy.

✓ **Các lĩnh vực khác:** Ban tổng giám đốc đã kịp thời điều chỉnh quy mô nhân sự, tinh giảm bộ máy để giảm chi phí, thay đổi nhân sự để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh, thu hồi công nợ các đơn vị và cá nhân bằng nhiều biện pháp.

**3.2 Tình hình hoạt động tài chính**

Công ty đã chấp hành Luật Kế toán, các chuẩn mực kế toán và các chính sách khác theo quy định của Nhà nước về công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính theo đúng yêu cầu chế độ hiện hành.

Kết quả thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2017 đã có kết quả. Đây là cơ sở tiền đề, là động lực cho năm 2018 và những năm tiếp theo.

Công ty gặp khó khăn về tài chính do nguồn thu không đảm bảo theo kế hoạch ban đầu, chi phí lãi vay lớn, đã bị nợ quá hạn tại các tổ chức vay vốn, công ty chịu rủi ro từ việc ngân hàng phát mại tài sản cầm cố.

**4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc công ty**

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam phối hợp chặt chẽ với HĐQT và ban lãnh đạo Công ty để kịp thời chỉ ra những điểm mạnh, yếu trong việc chỉ đạo điều hành sản xuất của Công ty. Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra theo dõi, phản ánh kịp thời tới Hội đồng quản trị, ban lãnh đạo Công ty những ưu, nhược điểm trong hạch toán, quản lý kinh tế lãnh đạo Công ty có cơ sở phân tích và chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

**5. Kiến nghị với HĐQT:**

- Tăng cường công tác quản trị, điều hành Công ty khoa học nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện hệ thống nhận diện thương hiệu CMISTONE Việt Nam.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính sát với tình hình thực tế năng lực của Công ty.

- Đàm phán với các tổ chức tài chính cho vay để có phương án khoan nợ, giãn nợ để có nguồn tài chính đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh.

- Tìm cách thu hồi các khoản nợ khó đòi của các cá nhân và tổ chức để tạo nguồn vốn hoạt động cho công ty.

#### **6. Kế hoạch triển khai công việc thời gian tới**

Ban kiểm soát tăng cường hơn nữa việc kiểm soát Công ty kịp thời phát hiện những sai sót, điểm yếu cần khắc phục để báo cáo lên HĐQT. Phối hợp với Ban lãnh đạo Công ty ngày càng phát triển, sản xuất có hiệu quả cao nhất.

Ban kiểm soát đi sâu kiểm tra định mức sử dụng vật tư thiết bị, quy trình xuất nhập hàng hóa, lao động tại Công ty và dự án, có ý kiến sát thực về chi phí của Công ty và dự án, nếu phát hiện sẽ có ý kiến kịp thời để thay đổi và khắc phục.

Trên đây là nội dung báo cáo của ban kiểm soát Công ty CP CMISTONE Việt Nam gửi đến đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, rất mong được đại hội đóng góp ý kiến và phê duyệt nội dung báo cáo.

**Nơi nhận:**

- Như trên,
- HĐQT,
- Ban TGD,
- cổ đông;
- Lưu BKS;

**TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY**

**Trưởng ban**



**Kiều Việt Cường**